

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục nhà trường cấp THCS đầu năm học 2023-2024
(theo thông tư số 36/2017TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của BDG&ĐT)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm/rèn luyện	119	35	22	29	33
1.1	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	33				33
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	25 75,7 %				25 75,7 %
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	06 18,2 %				06 18,2 %
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	02 6,1%				02 6,1%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0				0
1.2	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	51		22	29	
	Tốt (Tỷ lệ so với tổng số)	39 76,5%		15 68,2%	24 82,8%	
	Khá (Tỷ lệ so với tổng số)	11 21,6%		07 31,8%	04 13,8%	
	Đạt (Tỷ lệ so với tổng số)	01 1,9%		0	01 3,4%	
	Chưa đạt (Tỷ lệ so với tổng số)					
II	Số học sinh chia theo học lực/học tập					
1	Số học sinh chia theo kết quả học lực	33				33
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	06 18,2%				06 18,2%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	10 30,3%				10 30,3%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	17 51,5%				17 51,5%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0			0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0			0	0
2	Số học sinh chia theo kết quả học tập	51		22	29	
1	Giỏi (Tỷ lệ so với tổng số)	05 9,8%		01 4,5%	04 13,8%	
2	Khá (Tỷ lệ so với tổng số)	21 41,2%		10 45,5%	11 37,9%	
3	Đạt (Tỷ lệ so với tổng số)	25 49%		11 50%	14 48,3%	
4	Chưa đạt (Tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)					

1.1	Áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư 58/2011/TT-BGD&ĐT					
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)					
1.2	(Áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư 22/2021/TT-BGD&ĐT					
a	Học sinh Xuất sắc (Tỷ lệ so với tổng số)					
b	Học sinh Giỏi (Tỷ lệ so với tổng số)					
2	Thi lại/Học sinh kiểm tra, đánh giá lại các môn trong kỳ nghỉ hè (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chuyên trường/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0	01	0	0	0
	Chuyên trường/đến (tỷ lệ so với tổng số)	0	02	01	0	0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện					
2	Cấp tỉnh/thành phố					
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	46/119	15/35	6/22	15/29	10/33
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	3/119	01	0	02	0

Trần Châu, ngày tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Đình Văn Tấn